

THÔNG BÁO
Công khai các khoản thu - Năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 - 2025;

Căn cứ công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024 - 2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 5828/UBND-TCKH-GDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp về thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 357/KH-TH PCT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của trường Tiểu học Phan Chu Trinh về thu chi, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2024 - 2025;

Trường Tiểu học Phan Chu Trinh thông báo các khoản thu năm học 2024 - 2025 như sau:

Stt	Nội dung	Mức thu	Đối tượng	Ghi chú
Phụ lục số 1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND				
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (đồng/HS/tháng)	224.000	Học sinh lớp 2 buổi/ngày (có phục vụ bán trú)	
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng (đồng/HS/tháng)	60.000	Học sinh lớp 2 buổi/ngày (có phục vụ bán trú)	
3	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (đồng/HS/ <u>năm</u>)	6.500	HS toàn trường	Không bao gồm khám nha học đường (Thu 1 đợt)

4	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (Tiền điện) (đồng/HS/tháng)	20.000	HS lớp có sử dụng máy lạnh	Không bao gồm chi phí bảo trì máy lạnh
5	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (đồng/HS/tháng)	15.000	HS toàn trường	Thu 1 đợt 9 tháng 135.000 đồng/năm học
6	Dịch vụ tổ chức đưa rước trẻ, học sinh bằng xe ô tô (tuyến đường dưới 5km) (đồng/HS/km)	10.000	HS lớp 3 tham gia phổ cập bơi lội (Nếu có đăng kí)	Thu 1 đợt: 150.000 đồng/HS/khóa học

Phụ lục số 2.1. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác

1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (đồng/HS/tháng) Khối 1, 2: 1 tiết/tuần: 30.000 Khối 3, 4, 5: 2 tiết/tuần: 60.000	30.000 - 60.000	HS lớp 2 buổi/ngày (trừ các lớp tiếng Anh tích hợp)	
2	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn (đồng/HS/tháng)	50.000	HS khối 1, 2	
3	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chương trình nhà trường			
3.1	a) Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (đồng/HS/tháng/CLB)	70.000	Học sinh lớp 2 buổi/ngày (có phục vụ bán trú)	3 CLB: 210.000 đồng/HS
	b) Học bơi (đồng/HS/tháng)	128.000	HS lớp 3 tham gia phổ cập bơi lội (Nếu có đăng kí)	Thu 1 đợt 256.000 đồng/HS/khóa học (2 tháng)
3.2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống (đồng/HS/tháng)	80.000	HS lớp 2 buổi/ngày	
3.3	Tiền tổ chức Giáo dục Stem (đồng/HS/tháng)	90.000	HS các lớp 1/1 đến 1/9, 2/1 đến 2/9, Khối 3	
3.4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (đồng/HS/tháng)	180.000	Học sinh các lớp 1/6 đến 1/13, 2/6 đến 2/13, 3/4, 3/5, 3/6, 4/4, 5/4 đến 5/7	
3.5	Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (đồng/HS/tháng)	550.000	HS các lớp 1/2 đến 1/5; 2/2 đến 2/5, 3/2, 3/3, 4/2, 4/3, 5/2, 5/3	

Phụ lục số 2.2. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án				
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” (TH: 8 tiết/tuần) (đồng/học sinh/tháng).	3.600.000	HS các lớp 1/1, 2/1, 3/1, 4/1, 5/1	Thu theo quý (3 tháng 1 lần)
2	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2023” (TH 2 tiết/tuần) (đồng/học sinh/tháng)	150.000	HS khối 3, 4, 5 (Nếu có đăng kí)	
Phụ lục số 2.3. Các khoản thu cho cá nhân học sinh				
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú (đồng/học sinh/ <u>năm</u>)	172.000	Học sinh lớp 2 buổi/ngày (có phục vụ bán trú)	Thu 1 đợt
2	Học phẩm (đồng/học sinh/ <u>năm</u>)	20.000	HS toàn trường	Thu 1 đợt
3	Tiền suất ăn trưa bán trú (đồng/học sinh/ngày)	35.000	Học sinh lớp 2 buổi/ngày (có phục vụ bán trú)	Theo ngày ăn thực tế
4	Tiền suất ăn sáng (đồng/học sinh/ngày)	14.000	Học sinh lớp 2 buổi/ngày (có phục vụ bán trú)	Theo ngày ăn thực tế
5	Tiền nước uống (đồng/học sinh/tháng)	14.000	Học sinh lớp 2 buổi/ngày (có phục vụ bán trú)	

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thúy

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hoa